

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **349/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/6/2024.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X – THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Xuân Đào.

2. Bà Phan Thị Mai Khanh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN X, Thành phố H.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2024, về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Y, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 205/8B19 đường T, Phường 14, QUẬN X, Thành phố H.

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 205/18C20 đường T, Phường 14, QUẬN X, Thành phố H.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Trần Thị Y trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, QUẬN X, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyền số 01/2013 ngày 21/03/2013).

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần nhiều lần, vợ chồng bà cũng cố gắng tự hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Nhựt H, sinh ngày 21/5/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do 2 bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

*\* Theo bản tự khai, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông thừa nhận toàn bộ lời trình bày của bà Trần Thị Y về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà Y là đúng sự thật. Do ông đam mê cờ bạc không bỏ được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn do không còn tình cảm, nên cũng đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Y.

- Về con chung: Ông và bà Trần Thị Y có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Nhựt H, sinh ngày 21/5/2013. Ông đồng ý giao con chung là Nguyễn Trần Nhựt H, cho bà Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do 2 bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông không còn ý kiến gì khác.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X không có kiến nghị gì;

- Về nội dung:

Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, QUẬN X, Thành phố H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyền số 01/2013 ngày 21/03/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của cả hai đã trầm trọng không thể giải quyết khắc phục được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của bà Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 203, 220, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 19, 56, 81, 82, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ủy ban thường vụ quốc hội:

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Giao trẻ Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 21/5/2013 cho bà Yến chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ghi nhận bà Yến không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1.] Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại QUẬN X. Do đó, Tòa án nhân dân QUẬN X thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Y và bị đơn là ông Nguyễn Văn T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyền số 01/2013 ngày 21/03/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, QUẬN X, Thành phố H) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, bà Y và ông T đều thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc do ông T đam mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không hòa giải được, nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan T đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã triệu hai bên để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng bà Y, ông T tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng ông T không tham gia hòa giải nên Tòa án không hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y và ông T đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ các đương sự không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải và đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 21/5/2013. Bà Y và ông T đều thống nhất giao trẻ Nguyễn Trần Nhật H cho bà Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do 2 bên tự thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Văn T đều tự khai không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về án phí: Bà Trần Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Văn T chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyền số 01/2013 ngày 21/03/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 14, QUẬN X, Thành phố H cấp cho bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Văn T không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 21/5/2013 cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với cha, mẹ. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Y thì bà Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Văn T đều tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009884 ngày 09/5/2024 của Chi Cục Thi hành án QUẬN X, Thành phố H. Ghi nhận bà Trần Thị Y đã đóng đủ tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố H;
- VKSND QUẬN X;
- Chi Cục Thi hành án dân sự QUẬN X;
- UBND Phường 14, QUẬN X;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tú**

